TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-ST
Ngày: 21/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Chương và ông Võ Hùng Định.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Trọng Khiêm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Bích T** – sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố X, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn giải quyết vắng mặt.

* *Bị đơn:* Chị **Trương Thị L** – sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên, có đơn giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T trình bày: vào ngày 26/7/2023 (ngày 09/6/2023 âm lịch) chị có cho chị Trương Thị L mượn số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) để chị L trả nợ ngân hàng, thời gian 03 ngày (ngày 30/7/2023) sẽ trả lại cho chị, không ghi lãi suất. Khi vay có làm giấy mượn tiền có chữ ký của bên vay và bên cho vay. Nhưng khi đến hạn trả nợ, chị L không trả nợ cho chị, chị đã nhiều lần gặp chị L để yêu cầu chị L trả nợ, nhưng chị L liên tục hẹn mà không trả. Vì vậy, chị khởi kiện, yêu cầu Tòa án xét xử buộc chị Trương Thị L trả cho chị số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) đã mượn, kèm theo lãi suất 10%/năm, thời gian tính từ ngày 01/8/2023 cho đến khi chị L trả xong nợ.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trương Thị L trình bày: Chị thống nhất như chị T trình bày, vì cần tiền đáo hạn ngân hàng nên chị có mượn của chị Huỳnh Thị Bích T số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), hẹn sau 03 ngày sẽ trả. Tuy nhiên sau khi mượn tiền của chị T, chị vay tiền ngân hàng không được, do đó không có tiền để trả cho chị T. Chị T có nhiều lần gặp yêu cầu chị trả nợ, chị có hẹn chị T khi nào nhận được tiền đền bù đất của đường cao tốc thì chị sẽ trả cho chị T, nhưng đến nay chị vẫn chưa

nhận được. Chị T khởi kiện, yêu cầu chị trả nợ số tiền 220.000.000đ đã mượn, kèm theo lãi suất 10%/năm, chị biết thời gian tính 01 tuần tính từ ngày 26/7/2023 đến ngày 01/8/2023 chưa đủ 01 tuần nhưng chị T yêu cầu lãi suất tính từ ngày 01/8/2023. Chị đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu của chị T. Tuy nhiên, hiện tại chị không có tiền trả nợ một lần, xin cho chị được trả nhiều lần. Khi nào nhận được tiền đền bù chị sẽ trả hết cho chị T.

Các đương sự vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T khởi kiện yêu cầu chị Trương Thị L trả tiền vay tài sản theo giấy mượn tiền lập ngày 26/7/2023. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay, đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Giữa chị T và chị L có hợp đồng vay tài sản thể hiện bằng Giấy mượn tiền lập ngày 26/7/2023 có chữ ký của người mượn tiền Trương Thị L. Chị T đã nhiều lần đòi nợ chị L. Chị L thừa nhận có mượn tiền chị T nhưng không trả nợ là xâm phạm đến quyền lợi của chị T. Vì vậy chị T khởi kiện là có căn cứ. Chị L trình bày vì chị vay tiền ngân hàng không được, do đó không có tiền để trả cho chị T là không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị L.

- Chị T yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/8/2023, đây là yêu cầu hợp pháp. Chị L đồng ý. Vì vậy mức lãi suất được tính như sau: từ ngày 01/8/2023 đến ngày 21/8/2024: 12 tháng 20 ngày: 220.000.000đ x (10%/năm) x 12 tháng 20 ngày = 220.000.000đ x 0,83% x 12 tháng 20 ngày = 23.129.340đ (Hai mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

- Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị Trương Thị L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T số tiền 243.129.340đ (Hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị Trương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 243.129.340đ x 5% = 12.156.467đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T đối với bị đơn chị Trương Thị L. Buộc chị L có nghĩa vụ trả nợ cho chị T số tiền **243.129.340đ (Hai trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi đồng)**, trong đó, nợ gốc 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng) và nợ lãi 23.129.340đ (Hai mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trả chậm quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Chị Trương Thị L phải chịu **12.156.467đ (Mười hai triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bảy đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Huỳnh Thị Bích T 5.912.500đ *(Năm triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/23 số 0000056 ngày 01/7/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện A.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ; Án Văn.

Lê Thị Xuân Hương